

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TỈNH TUYÊN QUANG
**CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 9 năm 2022

Số: **241/TTBVTV-KT**
V/v hướng dẫn tiêu chí, chỉ tiêu trong
xây dựng nông thôn mới giai đoạn
2021-2025

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang ban hành “Một số chỉ tiêu xã nông thôn mới và một số chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Quyết định số 489/QĐ-UBND ngày 15/8/2022 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành bộ tiêu chí thôn nông thôn mới và bộ tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Văn bản số 1819/SNN-PTNT ngày 19/9/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn tiêu chí, chỉ tiêu trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật hướng dẫn các tiêu chí, chỉ tiêu được giao, cụ thể như sau:

1. Tiêu chí xã nông thôn mới: Chỉ tiêu 13.3 thuộc Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn (Quyết định số 479/QĐ-TTg)

a) Mục tiêu: Có ít nhất 01 vùng sản xuất nông sản chủ lực của xã, được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương trở lên gắn với truy xuất nguồn gốc.

b) Đánh giá thực hiện: Theo quy định tại điểm b, khoản 2, Phần II, Mục 2, Chương I, Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc

gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/05/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

2. Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Chỉ tiêu 13.6 thuộc Tiêu chí số 13 - Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn (Quyết định số 479/QĐ-TTg)

a) Mục tiêu: Có ít nhất 01 vùng sản xuất nông sản chủ lực của xã có hợp đồng liên kết sản xuất được cấp mã vùng.

b) Đánh giá thực hiện: Áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 5, Phần II, Mục 2, Chương II, Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/05/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

3. Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao: Chỉ tiêu 17.7 thuộc Tiêu chí số 17 - Môi trường (Quyết định số 318/QĐ-TTg)

a) Mục tiêu: 80% tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng hoặc tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá thực hiện: Áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 1, Phần II, Mục 3, Chương II, Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/05/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

4. Tiêu chí huyện nông thôn mới: Chỉ tiêu số 6.3 thuộc tiêu chí số 6 - Kinh tế (Quyết định số 320/QĐ-TTg)

a) Mục tiêu: Có ít nhất 01 vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

b) Đánh giá thực hiện: Áp dụng thực hiện theo quy định tại khoản 2, Phần II, Mục 3, Chương III, Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/05/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

5. Tiêu chí huyện nông thôn mới: Chỉ tiêu 7.3 thuộc tiêu chí Số 7 - Môi trường (Quyết định số 318/QĐ-TTg)

a) Mục tiêu: Có $\geq$ 01 mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên.

b) Đánh giá thực hiện: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Phần II, Mục 4, Chương III, Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới/xã nông thôn mới nâng cao và huyện nông thôn mới/huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 (ban hành kèm theo Quyết định số 1680/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/05/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

6. Tiêu chí thôn nông thôn mới kiểu mẫu: Tiêu chí số 2.1 thuộc Chỉ tiêu số 2 - Vườn hộ và công trình chăn nuôi (Quyết định số 489/QĐ-UBND)

a) Mục tiêu: 90% tỷ lệ số vườn hộ được cải tạo, tổ chức sản xuất theo quy định, có cảnh quan sáng - xanh - sạch - đẹp và hiệu quả kinh tế; 50% tỷ lệ vườn hộ diện tích sản xuất vườn từ 500m² trở lên có ứng dụng công nghệ trong sản xuất.

b) Đánh giá thực hiện:

- Vườn hộ có hàng rào, hệ thống thoát nước thải đảm bảo hợp vệ sinh, có cảnh quan sáng - xanh - sạch- đẹp.

- Có diện tích vườn sản xuất từ 500m² trở lên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Sản phẩm hàng hóa từ vườn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Vườn hộ có sử dụng ít nhất một trong các ứng dụng tiên bộ khoa học sau:

+ Sử dụng các giống cây trồng mới hoặc áp dụng kỹ thuật ghép cải tạo.

+ Áp dụng sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, thực hành nông nghiệp tốt (GAP), hữu cơ...

+ Sử dụng nhà kính, nhà màng, nhà lưới; áp dụng kỹ thuật xử lý ra hoa rải vụ, bao quả...

+ Áp dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học.

+ Sử dụng các chế phẩm sinh học để cải tạo đất, ủ phân hữu cơ, phòng trừ sinh vật gây hại.

+ Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất: Sử dụng máy làm đất; sử dụng máy kéo đa năng chăm sóc (vun, sới); thu hoạch bằng máy đối với chè, mía, lạc ...; áp dụng công nghệ sấy, bảo quản nhằm hạn chế tối đa tổn thất về chất lượng nông sản.

+ Sử dụng hệ thống tưới phun hoặc tưới nhỏ giọt, tự động hoặc bán tự động với công nghệ tiên tiến tiết kiệm nước đối với các cây trồng.

c. Hướng dẫn xác định tỷ lệ số vườn hộ có sử dụng các ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất

$$V_u = \frac{V_1}{V} \times 100 (\%)$$

Trong đó:

+ Vu : Tỷ lệ (%) số vườn hộ có sử dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (*số vườn hộ có sử dụng các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất là số vườn hộ có sử dụng ít nhất một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học nêu trên*).

+ V1: Số vườn hộ có sử dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

+ V: Tổng số vườn hộ.

V1; V: Được xác định theo số liệu của năm đánh giá tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật trân trọng đề xuất./.

Nơi nhận:

- Như trên; (Báo cáo)
- Lãnh đạo Chi cục;
- Chi cục Phát triển nông thôn; (Tổng hợp)
- Các phòng nghiệp vụ;
- Lưu: VT, KT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Mạnh Tú